

Số: 3671 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cấp điện 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát (Nậm Pén 1, Nậm Pén 2, Ky Quan San, Nhiều Cồ San, Tung Quang Lìn, Sinh Cơ, Mà Mù Sừ 2).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cấp điện 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát (Nậm Pén 1, Nậm Pén 2, Ky Quan San, Nhiều Cồ San, Tung Quang Lìn, Sinh Cơ, Mà Mù Sừ 2);

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tại Tờ trình số 453/TTr-SKH ngày 29/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Cấp điện 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát (Nậm Pén 1, Nậm Pén 2, Ky Quan San, Nhiều Cồ San, Tung Quang Lìn, Sinh Cơ, Mà Mù Sừ 2).

2. Chủ đầu tư: Sở Công Thương.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH tư vấn Công nghiệp Lào Cai.

4. Tổ chức thẩm định: Sở Công Thương.

5. Loại, cấp công trình: Công trình năng lượng, đường dây và trạm biến áp; công trình cấp III.

6. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới hệ thống lưới điện để cấp điện cho các hộ dân, trường học, nhà văn hóa tại 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát (Nậm Pén 1, Nậm Pén 2, Ky Quan San, Nhiều Cồ San, Tung Quang Lìn, Sinh Cơ, Mà Mù Sừ 2). Nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững và từng bước hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

7. Nội dung quy mô đầu tư:

7.1 Quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới 11,802 km đường dây trung áp trên không.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 07 TBA với tổng công suất 860kVA, trong đó:
 - + TBA 180kVA - 35/0,4kV: 02 trạm.
 - + TBA 100kVA - 35/0,4kV: 05 trạm.
- Xây dựng mới 12,29 km đường dây hạ áp trên không.
- Lắp đặt mới hệ thống 478 công tơ điện tử 1 pha PLC cùng toàn bộ hòm công tơ và phụ kiện

7.2. Giải pháp công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật chính:

a) Phần đường dây trung áp 35kV

- Móng cột: Móng cột trên tuyến sử dụng loại móng khối bê tông cốt thép đổ tại chỗ với bê tông lót móng mác M100 đá 2×4, bê tông móng M150 đá 2×4, bê tông chèn móng cột M200 đá 1×2.
- Móng néo: Móng néo trên toàn tuyến sử dụng bê tông cốt thép mác M200# đá 1×2 đúc tại chỗ chôn sâu dưới đất 2m.
- Cột điện: Trên tuyến sử dụng cột bê tông ly tâm cao từ 12m đến 20m sản xuất theo TCVN 5847:2016 đảm bảo phù hợp với từng vị trí.
- Xà, giá, cổ dè: Toàn bộ xà, giá, cổ dè trên tuyến được chế tạo từ thép hình bảo vệ bằng mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn Việt Nam.
- Cách điện: Cách điện trên tuyến sử dụng sứ chuỗi Polymer- 35kV và sứ đứng gốm nung- 35kV.
- Dây dẫn: Sử dụng dây nhôm lõi thép AC70/11 và AC70/29.
- Dây néo: Làm bằng thép tròn $\phi 16$ cùng phụ kiện được mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp mạ 80 μm .
- Tiếp địa: Sử dụng hệ thống cọc tia hỗn hợp gồm cọc làm bằng thép hình L63×63×6×1500 chôn sâu 0,8m, các cọc nối với nhau bằng thép dẹt 40×4. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành. Tất cả các chi tiết bằng thép đều được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.
- Trên tuyến đường dây 35kV nhánh rẽ TBA Nậm Pên 2 xây dựng mới: Tại mỗi vị trí cột 01 nhánh rẽ TBA Ky Quan San + cột 01 nhánh rẽ TBA Mà Mù Sứ II + cột 19 (điểm đầu vào TBA Nậm Pên 1): lắp 01 bộ cầu dao căng trên dây 1 pha 38,5kV-800A. Để thao tác cầu dao lắp ghế thao tác và thang trèo 3m. Tất cả các chi tiết đều được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.
- Trên tuyến đường dây 35kV nhánh rẽ TBA Nhìu Cò San xây dựng mới: Tại mỗi vị trí cột 01 nhánh rẽ TBA Sinh Cơ + cột 01 nhánh rẽ TBA Tung Quang Lìn: lắp 01 bộ cầu dao căng trên dây 1 pha 38,5kV-800A. Để thao tác cầu dao lắp ghế thao tác và thang trèo 3m. Tất cả các chi tiết đều được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.
- Tại mỗi vị trí cột 01 nhánh rẽ TBA Nhìu Cò San + cột 01 nhánh rẽ TBA Nậm Pên 2 + cột 31, 34 (hiện có) lộ 374-E20.2 phân đoạn Mường Hum - Dền Sáng: lắp đặt 01 bộ thiết bị LBS (bao gồm tủ điều khiển và biến áp nguồn) 36kV-630A. Để thao tác LBS lắp ghế thao tác và thang trèo 3m. Tất cả các chi tiết đều được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.

b) Phần trạm biến áp:

- Trạm biến áp được thiết kế kiểu trạm ngoài trời treo trên 02 cột BTLT. Móng cột đúc tại chỗ bằng bê tông M150, đá 2×4; lót móng bằng bê tông M100, đá 4×6; bê tông chèn móng cột M200 đá 1×2.

- Máy biến áp: Sử dụng loại máy biến áp 3 pha công suất 100kVA và 180kVA cách điện và làm mát bằng dầu tuần hoàn khép kín treo ngoài trời. Điện áp định mức 35/0,4kV. Điều chỉnh điện áp không tải phía cao áp, phạm vi điều chỉnh điện áp $\pm 2 \times 5\%$; Tổ đấu dây: Y/Y0-12, có bình dầu phụ. Máy biến áp được dán nhãn năng lượng theo Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ và đạt TCVN8525:2015.

- Xà, giá: Hệ thống xà, giá lắp thiết bị trạm được chế tạo từ thép hình CT3. Tất cả các chi tiết sau khi chế tạo đều được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

- Bảo vệ: bảo vệ điện áp khí quyển lan truyền từ đường dây vào trạm dùng cầu chì tự rơi Polymer SI-35kV; bảo vệ quá dòng phía trung áp dùng chống sét van ZnO-35kV.

- Cách điện: Sử dụng sứ đứng VHD 35kV đỡ ghế, cách điện chuỗi Polymer 35kV và cách điện đứng Polymer 35kV.

- Tủ điện hạ thế trọn bộ phù hợp với công suất máy biến áp, được chế tạo bằng tôn Zam theo công nghệ CNC, gồm 02 ngăn (ngăn chống tởn thất gồm 01 bộ TI 0,4kV và công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử 3 pha có tích hợp Modul truyền số liệu từ xa qua sóng GPRS; ngăn đóng cắt được bố trí thiết bị đo lường và các thiết bị đóng cắt hạ áp, thanh cái và 01 bộ TI 0,4kV), bảo vệ quá dòng phía hạ áp dùng aptomat; bảo vệ điện áp khí quyển phía hạ thế dùng chống sét van GZ-500.

- Đầu nối từ phía trung áp đến đầu cực máy biến áp dùng cáp đồng bọc CX1V/WBC-50-35kV.

- Cáp lộ tổng từ máy biến áp sang tủ phân phối dùng loại cáp treo: CU/XLPE/PVC 3×95+1×50; CU/XLPE/PVC 3×150+1×120.

- Tiếp địa: Sử dụng hệ thống cọc tia hỗn hợp gồm cọc bằng thép hình L63×63×6×1500 chôn sâu 0,8m, các cọc nối với nhau bằng thép dẹt 40×4. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành. Tất cả các chi tiết bằng thép đều được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.

c) Phần đường dây 0,4kV:

- Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm loại PC.I cao 10m sản xuất theo TCVN 5847:2016 và cột bê tông H7,5B; H7,5C đảm bảo phù hợp với từng vị trí.

- Móng cột: Sử dụng móng đúc tại chỗ bằng bê tông M100, đá 4×6.

- Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC có tiết diện 4×70mm² và 4×95mm² và dây nhôm lõi thép AC95/16 cho các khoảng vượt lớn.

- Phụ kiện: Sử dụng kẹp treo, móc néo, kẹp hãm chế tạo theo TCVN phù hợp với từng chủng loại sử dụng.

- Tiếp địa: Sử dụng hệ thống cọc tia hỗn hợp gồm cọc bằng thép hình L63×63×6×1500 chôn sâu 0,8m, các cọc nối với nhau bằng thép dẹt 40×4. Trị số điện

trở nổi đất đảm bảo theo quy định hiện hành. Tất cả các chi tiết bằng thép đều được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.

d) Công tơ:

- Công tơ điện tử 1 pha PLC loại 5(80)A có tích hợp module PLC và các phụ kiện kèm theo, cấp chính xác cấp 1. Điện áp định mức 240kV, tần số 50/60Hz.

- Các công tơ được đặt trong hộp công tơ chọn bộ Composite treo trên cột cách mặt đất $\geq 2,5m$.

- Aptomat sau công tơ loại Aptomat cài MCB 1 pha 40A chế tạo theo TCVN/IEC.

- Bộ tập trung thu thập dữ liệu công tơ DCU thông qua công nghệ PLC và truyền số liệu công tơ đã thu thập về máy tính trung tâm qua GPRS.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát.

9. Phương án bồi thường, GPMB (nếu có): Theo quy định hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư: 24.415.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng: 16.415.121.000 đồng.

+ Chi phí thiết bị: 4.092.863.000 đồng.

+ Chi phí quản lý dự án: 447.596.000 đồng.

+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.211.707.000 đồng.

+ Chi phí khác: 1.026.149.000 đồng.

+ Chi phí dự phòng: 221.564.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tập trung.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2022.

14. Nội dung khác: Không.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo những quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ đầu tư căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3/QĐ;

- Các sở: KH & ĐT, TC;

- Sở Công Thương (04 bản);

- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Xuân Trường

PHỤ LỤC

Công trình: Cấp điện 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát

(Nậm Pên 1, Nậm Pên 2, Kỵ Quan San, Nhiều Cò San, Tung Quang Lìn, Sinh Cơ, Mả Mù Sừ 2).
(Kèm theo Quyết định số: 3671/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: VN đồng

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền		
		Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
I.	CHI PHÍ XÂY DỰNG	14.922.837.044	1.492.283.704	16.415.121.000
1.	Chi phí xây dựng hạng mục chính	14.630.232.396	1.463.023.240	16.093.255.635
	<i>Đường dây 35kV</i>	6.823.681.967	682.368.197	7.506.050.164
	<i>Trạm biến áp</i>	753.756.169	75.375.617	829.131.786
	<i>Đường dây 0,4kV</i>	7.052.794.259	705.279.426	7.758.073.685
2.	Chi phí xây dựng lán trại	292.604.648	29.260.465	321.865.113
II.	CHI PHÍ THIẾT BỊ	3.720.784.581	372.078.458	4.092.863.000
III.	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	447.596.000		447.596.000
IV.	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	2.010.642.674	201.064.267	2.211.707.000
1.	Chi phí khảo sát, lập dự án, thiết kế BVTC - Dự toán	1.381.962.643	138.196.264	1.520.158.908
a.	Chi phí khảo sát bước lập dự án đầu tư	339.090.909	33.909.091	373.000.000
b.	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	428.612.865	42.861.287	471.474.152
c.	Lập dự án đầu tư	214.774.521	21.477.452	236.251.973
d.	Thiết kế BVTC - Dự toán	399.484.348	39.948.435	439.432.782
2.	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công XDCT	89.818.300	8.981.830	98.800.130
a.	Thi công xây dựng	69.391.192	6.939.119	76.330.311
b.	Cung cấp vật tư thiết bị công trình	20.427.107	2.042.711	22.469.818
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	538.861.731	53.886.173	592.747.904
a.	Xây dựng công trình	496.184.332	49.618.433	545.802.765
b.	Lắp đặt thiết bị của công trình	42.677.399	4.267.740	46.945.139
V.	CHI PHÍ KHÁC	966.534.367	59.614.537	1.026.149.000
1.	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn	231.947.459		231.947.459
2.	Phí thẩm định dự án	4.179.205		4.179.205
3.	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	28.353.390		28.353.390

Thuy

Đơn vị: VN đồng

4.	Phí thẩm định dự toán xây dựng	27.607.249	27.607.249		27.607.249
5.	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả đấu thầu	24.415.522	24.415.522		24.415.522
6.	Công tác nghiệm thu đóng điện bàn giao công trình đường dây và trạm biến áp (9225/BCT-TCNL ngày 05/10/2011)				
	Đường dây 35KV	109.178.911	109.178.911		120.096.803
	Xây dựng trạm biến áp	30.527.125	30.527.125		33.579.837
	Đường dây 0,4KV	157.982.591	157.982.591		173.780.851
7.	Chi phí hạng mục chung				
a.	Chi phí hạng mục không xác định được từ thiết kế	298.456.741	298.456.741		328.302.415
8.	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu (TT)	53.886.173	53.886.173		53.886.173
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				221.564.000
*	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ				24.415.000.000